TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 222/2024/DS-ST
Ngày: 19/7/2024.
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lưu Đức Quang.

2/ Bà Đỗ Thị A.

Thư ký phiên tòa: Bà Trà Thị Thúy Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

Ngày 19 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10 địa chỉ 27 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" thụ lý số: 477/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 11 năm 2023. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2024/QĐST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 95/2024/HPT- DS ngày 19 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty tài chính TNHH một thành viên M.

Trụ sở: X, phường Bến Nghé, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà T - Giấy ủy quyền ngày 30/6/2023 (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà N, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: X Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện của Công ty tài chính TNHH một thành viên M (Gọi tắt là Công ty M), các bản khai và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Ngày 24/10/2022, Công ty M ký Hợp đồng tín dụng số: 3745717 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng) về việc cấp tín dụng cho bà N với khoản vay trị giá: 31.980.000 đồng để tiêu dùng. Sau khi ký kết, Công ty M đã giải ngân theo đúng quy định trong Hợp đồng tín dụng cho bà N. Theo Hợp đồng tín dụng, bà N có nghĩa vụ thanh toán hàng tháng với số tiền là: 2.025.976 đồng trong kỳ hạn 24 tháng kể từ ngày 25/10/2022 đến ngày 25/09/2024.

Sau khi được giải ngân, bà N đã thanh toán được 01 kỳ, với số tiền là: 2.038.000 đồng. Tuy nhiên, từ ngày 27/10/2023 bà N đã không thanh toán theo nghĩa vụ hợp đồng đối với khoản vay mà phía Công ty M đã giải ngân.

Công ty M đã tiến hành liên hệ qua điện thoại đề nghị bà N thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình theo hợp đồng. Đồng thời, Công ty M cũng đã gửi thư đề nghị thực hiện nghĩa vụ thanh toán, để thông báo trực tiếp cho bà N biết về việc hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng. Tuy nhiên, bà N vẫn không có bất kỳ hành động thực tế nào thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng cho phía Công ty M.

Do đã gửi thông báo nhắc nợ nhưng bà N vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo HĐTD cho phía Công ty. Nên Công ty M đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa Án giải quyết tuyên buộc bà N thanh toán cho Công ty tổng cộng số tiền là: 59.212.391 đồng, tạm tính đến ngày 19/07/2024. Trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán là: 30.532.268 đồng; số tiền lãi trong hạn: 14.113.243 đồng; Số tiền lãi quá hạn: 13.070.788 đồng; số tiền lãi chậm trả: 1.496.092 đồng.

<u>Diễn giải công thức tính lãi</u>:

- Số tiền lãi trong hạn: *= Tổng số tiền lãi chưa trả mỗi kỳ*

- Số tiền lãi quá hạn:*= 150% x Lãi suất x Số tiền gốc chưa trả mỗi kỳ x Số ngày quá hạn: 365 ngày*

- Số tiền lãi chậm trả:*= 10% x Số tiền lãi chưa trả mỗi kỳ x Số ngày quá hạn : 365 ngày*

Cách tính lãi trên được căn cứ tại Khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 về Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, và Khoản 4 Điều 13, Khoản 5 Điều 14 Thông tư 39/2016/TT-NHNN về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Ngoài ra Công ty M còn yêu cầu Tòa án buộc bà N phải thanh toán số tiền lãi tính trên số nợ gốc theo quy định của hợp đồng kể từ ngày 20/07/2024 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà N đã được tòa triệu tập hợp lệ nhưng không tới Tòa hòa giải, vì vậy Tòa đưa vụ án ra xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp trong vụ án theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là việc Công ty M cho bà N vay tiền để tiêu dùng, là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Quận 10, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10.

Xét thấy nguyên đơn Công ty M có giấy ủy quyền cho bà T đại diện tham gia tố tụng, giấy ủy quyền phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận tư cách tham gia tố tụng của bà T; tại phiên tòa ngày hôm nay, bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm a, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn.

Theo xác minh của Công an Phường 14, Quận 10 (Do nguyên đơn cung cấp cho Tòa) thì bà N, sinh năm 1990 có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: X Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện không cư ngụ tại đây, cư ngụ ở đâu địa phương không biết. Vì vậy nơi cư trú cuối cùng của bà Phạm Thị Thùy Nhung theo quy định pháp luật là tại địa chỉ: X Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án nhân dân Quận 10 đã tiến hành tống đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng tại địa chỉ trên nhưng bị đơn không đến tòa. Căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 thì: Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất; còn theo qui định tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015 thì: Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận, nghĩa vụ trả tiền bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc. Vì vậy M đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa Án giải quyết tuyên buộc bà N thanh toán cho Công ty tổng cộng số tiền là: 59.212.391 đồng, tạm tính đến ngày 19/07/2024. Trong đó bao gồm: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán là: 30.532.268 đồng; số tiền lãi trong hạn: 14.113.243 đồng; Số tiền lãi quá hạn: 13.070.788 đồng; số tiền lãi chậm trả: 1.496.092 đồng. Công ty M còn yêu cầu bà N phải thanh toán số tiền lãi tính trên số nợ gốc theo quy định của hợp đồng kể từ ngày 20/07/2024 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật; là phù hợp các quy định pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, vì vậy Công ty M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho Công ty M số tiền tạm ứng án phí

đã nộp. Bị đơn bà N phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 , Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 280, khoản 1 Điều 357, Điều 463, khoản 1,5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục mức án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Bà N phải thanh toán ngay, dứt điểm cho Công ty M số tiền còn thiếu nợ tính đến ngày 19/7/2024 số tiền là: 59.212.391 đồng (Trong đó bao gồm: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán là: 30.532.268 đồng; số tiền lãi trong hạn là: 14.113.243 đồng; số tiền lãi quá hạn là: 13.070.788 đồng; số tiền lãi chậm trả: 1.496.092 đồng) và bà N phải thanh toán số tiền lãi phát sinh tính trên số nợ gốc theo quy định của hợp đồng kể từ ngày 20/7/2024 cho đến khi thi hành xong bản án có hiệu lực pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm: 2.960.619 (Hai triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, sáu trăm mười chín) đồng, bà N chịu.

Công ty M không phải chịu án phí. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí là 1.007.627 (Một triệu, không trăm lẻ bảy nghìn, sáu trăm hai mươi bảy) đồng cho Công ty M, theo biên lai thu số AA/2023/0035512 ngày 23/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thời hạn kháng cáo đối với bản án là 15 ngày kể từ ngày các đương sự nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Anh Tuấn